

Số: 14 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục và phân công đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Chánh Văn phòng Bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8.

**Điều 2.**

- Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm:
  - Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định này;
  - Chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng xem xét, đề xuất biện pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Trước ngày 15 hằng tháng, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi báo cáo về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, gửi Bộ Tư pháp.

3. Bãi bỏ nhiệm vụ giao Cục Quản lý đấu thầu chủ trì soạn thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 1 Điều 39 Luật Thủ đô về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và Nghị định quy định chi tiết Điều 40 Luật Thủ đô về hợp đồng xây dựng - chuyển giao được phân công tại Quyết định số 1728/QĐ-BKHĐT ngày 7 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *P*

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị: QLĐT, ĐTNN, QLQH, THKTQD, KTĐN;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC (Hàng)<sub>2</sub>



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*Nguyễn Đức Tâm*  
**Nguyễn Đức Tâm**





**DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỶ HỌP 8**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-BKHĐT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Tên luật, ngày có hiệu lực	Tên văn bản quy định chi tiết	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn trình/ban hành
1.	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu</b> <i>(Luật có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Luật này có hiệu lực từ ngày 1/7/2025)</i>	1.1. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Điều 6; Điều 11; Điều 28; Điều 52; Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư)	Cục Quản lý đấu thầu	Trước ngày 15/1/2025
		1.2. Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT (Điều 42, điểm a, điểm b khoản 2a Điều 45 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư)	Cục Quản lý đấu thầu	Tháng 05/2025
		1.3. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu (khoản 5 Điều 3, khoản 6 Điều 6, khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 34a, khoản 2 Điều 39, khoản 8 Điều 43, khoản 5 Điều 50, khoản 7 Điều 53, khoản 2 Điều 84, khoản 4 Điều 88 của Luật Đấu thầu)	Cục Quản lý đấu thầu	Trước ngày 15/1/2025
		1.4. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch	Vụ Quản lý quy hoạch	Trước ngày 15/1/2025

		đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ (các điều: 6, 9, 15, 16, 17, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 30, 40, 41, 45, 49 và 54a Luật Quy hoạch)		
		1.5. Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (khoản 2 Điều 18a Luật Đầu tư)	Cục Đầu tư nước ngoài	Đã trình Chính phủ
		1.6. Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt (khoản 12 Điều 36a Luật Đầu tư)	Vụ Pháp chế	Trước ngày 15/1/2025
		1.7. Thông tư biểu mẫu Điều 36a về thủ tục đầu tư đặc biệt của Luật Đầu tư (khoản 11 Điều 36a Luật Đầu tư)	Cục Đầu tư nước ngoài	Trước ngày 15/1/2025
2.	<b>Luật Đầu tư công</b> (Luật có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2025)	2.1. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (khoản 6 Điều 5, khoản 7 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 12 Điều 18, khoản 1 Điều 32, khoản 4 Điều 37, khoản 7 Điều 38, khoản 5 Điều 43, khoản 6 Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 5 Điều 57, khoản 10 Điều 59, khoản 9 Điều 60, khoản 5 Điều 62, khoản 2 Điều 69, khoản 4 Điều 70, khoản 9 Điều 71, khoản 6 Điều 77, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 83, khoản 4 Điều 101)	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân	Tháng 12/2024
		2.2. Nghị định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (khoản 4 Điều 37, khoản 6 Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 63, khoản 5 Điều 63, khoản 6 Điều 64, khoản 8 Điều 64, khoản 5 Điều 65, khoản 3 Điều 66, khoản 3 Điều 67, khoản 4 Điều 83)	Vụ Kinh tế đối ngoại	Tháng 12/2024